TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 10-8-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Nguyễn Đăng Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 171/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2022/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp BIBV, số 35 H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Nông.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Kim A – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Đ thuộc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: TDP 1, thị trấn K, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Điểu N, sinh năm 1976, chị Thị C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Bon J, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng anh Điểu N, chị Thị C có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/8/2022 là 377.843.494 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/105373709/HĐTD ngày 09/5/2018 anh N, chị C vay số tiền gốc là 400.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc cà phê, điều, sửa chữa nhà ở, lãi suất vay là 12,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời gian vay là 36 tháng; tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 256.421.575 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10395503/HĐTD ngày 15/6/2018 anh N, chị C vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc cà phê, tiêu, trồng mới tiêu; lãi suất vay là 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời gian vay là 11 tháng; tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 121.421.919 đồng.

Các khoản vay của anh N, chị C theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh N, chị C vẫn không trả dù Ngân hàng có yêu cầu khách hàng vay trả nợ rất nhiều lần và anh N, chị C không đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để phát mãi thu hồi nợ theo quy định.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh N, chị C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 977.843.494 đồng. Trong đó có 600.000.000đ tiền gốc, tiền lãi là 377.843.494 đồng, tính đến ngày 30/6/2021 và tiếp tục trả toàn bộ tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi trả nợ xong.

Khi vay anh N, chị C có thế chấp cho Ngân hàng 03 quyền sử dụng đất gồm các giấy Chứng nhận QSD đất số AL 809137, số AL 458960 và số AL 809463 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10573709/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10573709/HĐTC ngày 12/6/2018.

Trong trường hợp anh N, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10573709/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10573709/HĐTC ngày 12/6/2018.

Về tiền chi phí tố tụng là xem xét thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có ý kiến trình bày.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là anh Điểu Nhơm, chị Thị Chôn vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117; Điều 119; Điều 299; Điều 301; Điều 323; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ. Buộc anh Điểu N và chị Thị C phải trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đ tổng số tiền là 977.843.494 đồng. Trong đó có 600.000.000đ tiền gốc, tiền lãi là 377.843.494 đồng, tính đến ngày 10/8/2022 và tiếp tục trả toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hai Hợp đồng tín dụng số 01/2018/105373709/HĐTD ngày 09/5/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10395503/HĐTD ngày 15/6/2018 nêu trên đến khi trả nợ xong.

Trường hợp anh Điểu N, chị Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Điểu N, chị Thị C. Anh N, chị C có nơi cư trú tại bon J, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Điểu N, chị Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Bon J, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N, chị C vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nhơm, chị Chôn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ về số tiền gốc và tiền lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 09/5/2018 anh N, chị C có vay của Ngân hàng số tiền gốc là 400.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/105373709/HĐTD ngày 09/5/2018, mục đích vay là chăm sóc cà phê, điều, sửa chữa nhà ở, lãi suất vay là 12,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời gian vay là 36 tháng. Ngày 15/6/2018 tiếp tục vay số tiền gốc là 200.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10395503/HĐTD ngày 15/6/2018, mục đích vay là chăm sóc cà phê, tiêu, trồng mới tiêu; lãi suất vay là 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; thời gian vay là 11 tháng. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả nợ các khoản tiền gốc, lãi theo hai hợp đồng tín dụng trên nhưng anh N, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy, anh N, chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Mặt khác anh N, chị C không đồng ý giao các tài sản đã thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên cho Ngân hàng để xử lý, phát mãi thu hồi nợ.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Điểu N, chị Thị C phải trả cho Ngân hàng số tiền là 977.843.494 đồng. Trong đó có 600.000.000đ tiền gốc, tiền lãi là 377.843.494 đồng, tính đến ngày 10/8/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/105373709/HĐTD ngày 09/5/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10395503/HĐTD ngày 15/6/2018 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10573709/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10573709/HĐTC ngày 12/6/2018 anh N, chị C có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số AL 809137 do UBND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 18/12/2007; Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số AL 458960 do UBND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/11/2007 và Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số AL 809463 do UBND huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/11/2007.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản thế chấp trên hiện anh N, chị C đang quản lý, sử dụng và không có tranh chấp với ai. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản các bên có thỏa thuận trong trường hợp không trả các khoản nợ đã vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trên để thu hồi nợ. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp anh Nh, chị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10573709/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10573709/HĐTC ngày 12/6/2018 để thu hồi nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Điểu N, chị Thị C phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này nên cần buộc bị đơn anh N, chị C phải trả lại cho Ngân hàng là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ được chấp nhận nên bị đơn anh Điểu N, chị Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 301, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ đối với anh Điểu N, chị Thị C.

1.1. Buộc anh Điểu N, chị Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ số tiền là 977.843.494 đồng *(Chín trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng)*. Trong đó có 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* tiền gốc, tiền lãi là 377.843.494 đồng *(Ba trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng)*, tính đến ngày 10/8/2022.

1.2. Kể từ ngày 11/8/2022, anh N, chị C tiếp tục phải chịu lãi suất tính theo theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/105373709/HĐTD ngày 09/5/2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10395503/HĐTD ngày 15/6/2018 cho đến khi trả nợ xong.

1.3. Trong trường hợp anh Điểu N, chị Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10573709/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10573709/HĐTC ngày 12/6/2018 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Điểu N, chị Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Anh Điểu N, chị Thị C phải nộp 41.335.000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ 18.870.000 đồng *(Mười tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002120 ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nông Văn Nhu